

2.3 Bạn cần in tờ khai

Sau khi kê khai bạn cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên, đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký tên đóng dấu thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này. Mã vạch chỉ có ý nghĩa mã hoá các thông tin kê khai trên tờ khai thành dạng có thể đọc được bằng máy.

2.4 Bạn cần kết xuất tờ khai theo chuẩn XML

Sau khi kê khai bạn cần phải kết xuất tờ khai theo chuẩn XML, ký số và gửi qua mạng cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký số thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này.

2.5 Lưu trữ tờ khai

Mặc dù dữ liệu tờ khai được lưu trong ứng dụng, nhưng cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn phải lưu trữ bản in đã được ký tên đóng dấu để phục vụ cho công tác thanh kiểm tra sau này.

3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI

3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp

- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:
 - Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.
 - Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.
 - Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.
 - Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.
 - Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.
 - Cơ quan thuế quản lý: Chọn cơ quan thuế quản lý tương ứng với địa bàn của NNT (sau khi NNT đã nhập đủ thông tin địa chỉ)
 - Nếu cơ sở kinh doanh có Đại lý thuế thì ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của Đại lý thuế theo đăng ký với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như các thông tin của cơ sở kinh doanh
 - Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng:

- **Các quy định chung:** Tờ khai thuế được gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

- + Tờ khai được lập và in đúng mẫu quy định
- + Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại... của người nộp thuế.

- + Được người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai.

- + Có kèm theo các tài liệu, bảng kê, bảng giải trình theo chế độ quy định.

- **Tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai:**

- + Tài liệu hướng dẫn kê khai là một tài liệu độc lập với tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, hướng dẫn kê khai cho từng chỉ tiêu, nằm trong menu <Trợ giúp>. Bạn hãy xem tài liệu hướng dẫn kê khai hoặc ấn phím “F1” trên bàn phím khi sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, bạn sẽ được trợ giúp chi tiết về Hướng dẫn kê khai thuế theo từng biểu mẫu thuế tương ứng trên ứng dụng.

- + Người thực hiện các chức năng kê khai là: Kế toán doanh nghiệp.

3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT

3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế GTGT” chọn “Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT) khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

- Cho phép mỗi ngành nghề được phép kê khai 1 tờ khai 01/GTGT cùng kỳ tính thuế

Chọn kỳ tính thuế

Tỉnh: Tỉnh Bắc Ninh

Xã/Phường/Đặc khu: Xã Lương Tài

Thuế tỉnh/CCT: Thuế Tỉnh Bắc Ninh

CQT nơi nộp: Thuế Tỉnh Bắc Ninh

☒ Tờ khai tháng ☐ Tờ khai quý

Tháng: 06 Năm: 2025

☒ Tờ khai lần đầu ☐ Tờ khai bổ sung

Danh mục ngành nghề: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

☐ Chọn phụ lục kê khai

☐ 01-2/GTGT

☐ 01-3/GTGT

☐ 01-6/GTGT (CSSX)

Đồng ý Đóng

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

- + Tỉnh: Bắt buộc chọn trong danh mục 34 Tỉnh/Thành phố
- + Xã/phường/đặc khu: Bắt buộc chọn trong danh mục
- + Thuế tỉnh/CCT và CQT nơi nộp:
 - Cho phép chọn CQT trong danh mục tương ứng với địa bàn đã chọn
 - Mặc định là CQT quản lý trực tiếp đối với tờ khai 01/GTGT thông thường, xổ số, dầu khí
 - Trường hợp chọn sản xuất thủy điện, dự án chuyển nhượng bất động sản thì chỉ chọn CQT khác tỉnh nơi đóng TSC
- + Kỳ tính thuế:
 - Quý: nhập theo định dạng Qx/yyyy
 - Tháng: nhập theo định dạng mm/yyyy
- + Trạng thái tờ khai: Chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung, nếu tích chọn “Tờ khai bổ sung” thì hiển thị màn hình bắt buộc nhập “Lần bổ sung” theo thứ tự liên tiếp và “Ngày lập tờ khai bổ sung”
- + Chọn ngành nghề kinh doanh:
 - Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 01/2021, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 1/2021 trở đi, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 5 giá trị:
 - Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

- Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
- Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
- Chuyển nhượng DAĐT CS hạ tầng, nhà khác tỉnh với nơi có trụ sở chính

- Nhà máy sản xuất điện khác tỉnh với nơi có trụ sở chính
- Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 12/2020, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 4/2020 trở về trước, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 3 giá trị:

- Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường
- Hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên
- Hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục cần kê khai. NSD có thể chọn các phụ lục cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh “Đồng ý” để hiển thị ra tờ khai GTGT khấu trừ mẫu 01/GTGT.

3.3.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình “Chọn kỳ tính thuế” chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu sau đó nhấn nút “Đồng ý”, màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 05 năm 2022
[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11c] Tỉnh/Thành phố
[11b] Quận/Huyện
[11a] Phường/xã

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (dấu "X")	[21] ☐	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 0
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		

Tờ khai / 01-2/GTGT / 01-6/GTGT (CSSX) / 01-6/GTGT (VT trước trả sau) / PL 43/2022/QH15

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhập từ XML Đóng

- Chi tiết chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [21]: Để dưới dạng checkbox, mặc định là không check, cho phép sửa. Nếu NSD đánh dấu (x) vào chỉ tiêu [21] thì ứng dụng sẽ khóa không cho kê khai các chỉ tiêu từ [23] đến [32a]. Nếu các chỉ tiêu này đã kê khai thì ứng dụng đưa ra thông báo “NNT chỉ được kê khai các chỉ tiêu [22], [37], [38], [39a], [40b], [42]. Các chỉ tiêu còn lại khóa không cho kê khai. Bạn có tiếp tục thực hiện không?”. Nếu NSD chọn “Có” thì ứng dụng thực hiện khóa các chỉ tiêu này và đặt lại giá trị bằng 0, nếu NSD chọn “Không” thì ứng dụng sẽ quay lại màn hình kê khai.

+ Chỉ tiêu số [22]: Chỉ tiêu Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22] được lấy từ chỉ tiêu [43] của kỳ trước chuyển sang cho phép sửa. Nếu sửa khác với chỉ tiêu [43] của kỳ trước thì ứng dụng đưa cảnh báo vàng “Giá trị của chỉ tiêu này khác với giá trị của chỉ tiêu [43] của tờ khai lần đầu kỳ trước liền kề.” và vẫn cho phép in tờ khai.

+ Chỉ tiêu [23]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [23a]: Cho phép nhập dạng số không âm.

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra $[24] < [23]$, nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [24a]: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra $[24a] \leq [23a]$, nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra $[25] \leq [24]$ (không kiểm tra đối với tờ khai tháng 12, quý 4), nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [26]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [29]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [30]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [32]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

• Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì $[32] = \text{Tổng cột (3)}$ Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT trên PL_GiamThue_GTGT_23_24, cho phép sửa.

• Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì $[32] = \text{Chỉ tiêu [07] trên PL NQ 142/2024/QH1}$. Cho phép sửa định dạng số âm, dương

+ Chỉ tiêu [32a]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, công thức kiểm tra:**

+ Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [32] + [32a]

+ Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [31] + Chỉ tiêu [33]

+ Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính $[31] = [30] * 5\%$, cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính $[33] = [32] * 10\%$

• Nếu không đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 và nhập $[32] \geq 0$ thì kiểm tra $[33] \leq [32]$, vi phạm cảnh báo đỏ

• Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 thì kiểm tra ràng buộc Chỉ tiêu $[33] = [32] * 10\% - (\text{Tổng cột 6 trên phụ lục với các dòng thuế suất } 10\%)$, sai khác cảnh báo vàng.

• Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì $[33] = [32] * 10\% - (\text{Tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24})$

• Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 142/2024/Qh15 thì $33 = [32] * 10\% - \text{chỉ tiêu [08] trên PL NQ 142/2024/QH15}$

- Cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

- + Chỉ tiêu [34] = [26] + [27], không cho sửa
- + Chỉ tiêu [35] = [28], không cho sửa
- + Chỉ tiêu [36] = [35] - [25], không cho sửa
- + Chỉ tiêu [37]: Cho phép nhập dạng số không âm
- + Chỉ tiêu [38]: Cho phép nhập dạng số không âm
- + Chỉ tiêu [39a]: Cho phép nhập dạng số không âm
- + Chỉ tiêu [40a]

- Nếu $[36] - [22] + [37] - [38] - [39a] \geq 0$ thì $[40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39a]$

- Nếu $[36] - [22] + [37] - [38] - [39a] < 0$ thì $[40a] = 0$

- + Chỉ tiêu [40b]: Cho phép NSD nhập, kiểm tra $[40b] \leq [40a]$, nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ

- + Chỉ tiêu [40]: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức $[40] = [40a] - [40b]$, không cho sửa. Kiểm tra chỉ tiêu [40] trên tờ khai 01/GTGT phải $\geq$ Tổng số thuế trên các bảng kê phân bổ (01-2/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VTCTS))

- + Chỉ tiêu [41]:

- Nếu $[36] - [22] + [37] - [38] - [39a] < 0$ thì [41] = trị tuyệt đối của $([36] - [22] + [37] - [38] - [39a])$

- Nếu $[36] - [22] + [37] - [38] - [39a] \geq 0$ thì [41] = 0

- + Chỉ tiêu [42]: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra điều kiện $[42] < [41]$ nếu không thỏa mãn thì hiển thị cảnh báo đỏ “Thuế GTGT đề nghị hoàn phải nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”.

- + Chỉ tiêu [43] = [41] – [42], Không cho sửa chỉ tiêu [43].

3.3.1.1.1 Phụ lục 01-2/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện

PHỤ LỤC BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN (Xem theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)											
[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025											
[02] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A											
[03] Mã số thuế: 0100231226											
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam											
STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
[04]		[05]	[06]	Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Độc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý	[10]	[11]	[12] = [11] x [10]
1	Nhà máy								0	0,00	0
1.1									0	0,00	0
	Tổng								0		0

- Các chỉ tiêu cần nhập:

- + Chỉ tiêu [05]: Cho phép NSD nhập, dạng text
- + Chỉ tiêu [06]: cho phép NSD nhập, kiểm tra cấu trúc của MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Xã/phường/đặc khu; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Xã/phường/đặc khu của chỉ tiêu (11b) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (8)

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Tỉnh, kiểm tra phải tương ứng với CQT quản lý; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Tỉnh của chỉ tiêu (11c) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.1: Là CQT quản lý nhà máy

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.2: Chọn trong danh mục cơ quan thuế tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn; xét trong phạm vi 1 nhà máy thì chỉ tiêu này không trùng nhau.

+ Chỉ tiêu [10a] cho phép NSD nhập dạng số không âm, kiểm tra Tổng cột [10] trên 01-2 phải $\leq$ chỉ tiêu [40] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ.

- Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [11] = tổng % của 1.1 + 1.2, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân, không cho sửa, kiểm tra tổng tỷ lệ của 1 nhà máy phải bằng 100%, nếu < 100 thì cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [12] = [11]x[10a], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [13] = tổng cột [10], kiểm tra chỉ tiêu [13] phải $\leq$ chỉ tiêu [40] trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [14] = tổng cột [12], kiểm tra [14] = [13]

3.3.1.1.2 Phụ lục 01-3/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN
(kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025

[02] Lần đầu ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 0100231226
[06] Tổng doanh thu thực tế: 0

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[07]		[08]	[09]	[10]	[11]		[12]		[13]	[14]=[12]/[06]x100	[15]=chỉ tiêu [40]x [14]
1									0	0.0000	0
Cộng theo từng tỉnh											
1											0
Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính											
Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([18]=chỉ tiêu [40]-[17])											

- Các chỉ tiêu nhập với đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0 , kiểm tra $\geq$ tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

- + Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số, không được trùng
- + Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục
- + Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai; 1 tỉnh tối đa được kê khai 3 chỉ tiêu cột (8) trên bảng kê
- + Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn
- + Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số ≥ 0 . Hệ thống kiểm tra tổng (13) $\leq (6)$
- **Các chỉ tiêu nhập với địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:**
 - + Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0 , kiểm tra $\geq$ tổng chỉ tiêu [13]
 - + Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text
 - + Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số hoặc cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số
 - + Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục
 - + Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai
 - + Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn
 - + Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số ≥ 0
- **Các chỉ tiêu nhập với nơi không có đơn vị phụ thuộc/ địa điểm kinh doanh:**
 - + Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0 , kiểm tra $\geq$ tổng chỉ tiêu [13]
 - + Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text
 - + Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục
 - + Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai
 - + Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn
 - + Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số ≥ 0
- **Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:**
 - + Chỉ tiêu [14]: UD hỗ trợ tính theo công thức: $[14] = [13]/[06] \times 100\%$, kiểm tra Tổng (14) $\leq 100\%$, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân
 - + Chỉ tiêu [15]: UD hỗ trợ tính theo công thức: $[15] = [40] \times [14]$
 - + Chỉ tiêu [16]: UD tính tổng theo từng tỉnh, chỉ cộng khi 1 tỉnh khai nhiều dòng
 - + Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính: $[17] = \sum [16]$

+ Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính: [18] = [40] – [17], kiểm tra [17] + [18] = [40] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT, sai khác cảnh báo đỏ.

3.3.1.1.3 Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp

PHỤ LỤC BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP (Trừ hoạt động sản xuất thủy điện, hoạt động kinh doanh xổ số điện toán) (Kiểm tra Tờ khai mẫu số 01/GTGT)												
[01a] Hoạt động phân bổ: ☒ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.												
[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025												
[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:												
[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A												
[05] Mã số thuế: 0100231226												
Số thuế phải nộp của cơ sở sản xuất										[06]		0
Tổng doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra										[07]		0
STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu sản phẩm sản xuất của cơ sở sản xuất (chưa có thuế giá trị gia tăng)			Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất trong trường hợp [06]>[19]+[20]
			Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Độc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Hàng hóa chịu thuế suất 5%	Hàng hóa chịu thuế suất 10%	Tổng		
[08]	[09]	[10]	[12]	[11]		[13]		[14]	[15]	[16]=[14]+[15]	[17]=1%*[14]+2%*[15]	[21]=([06]-[16])/[07]
1			-	-	-	-	-	0	0	0	0	0
Tổng theo từng tỉnh											[18]	[22]
Cộng các tỉnh											[19]	0
Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([20]=[06]-[19] hoặc [24]=[06]-[23])											[20]	0

- Các chỉ tiêu nhập:

+ Chỉ tiêu [06]: NSD tự nhập, kiểu số không âm, kiểm tra (Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (CSSX) + Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (VT) + tổng cột [10] trên 01-2) <= [40] trên tờ khai, vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [07]: Nếu chọn phân bổ cho cơ sở sản xuất: NSD tự nhập. Hệ thống kiểm tra (7) <= (27) trên tờ khai. Bắt buộc nhập nếu kê khai phụ lục; Nếu chọn phân bổ cho kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau: Không hiển thị dòng này.

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép NNT nhập text

+ Chỉ tiêu [10]: Tại dòng đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Nhập MST 13 số, kiểm tra đúng cấu trúc, không cho phép nhập trùng; Tại dòng địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số.

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục

+ Chỉ tiêu [12]: NSD nhập, kiểm tra tỉnh khác tỉnh với CQT nộp tờ khai, không bắt trùng

+ Chỉ tiêu [13]: Mặc định là Cục thuế và cho phép chọn lại là CCT

+ Chỉ tiêu [14]: NSD nhập số không âm, kiểm tra tổng [14] <= [30] trên tờ khai, bắt buộc có kê khai [14] hoặc [15]

+ Chỉ tiêu [15]: NSD nhập số không âm, kiểm tra [15] <= [32] trên tờ khai

- Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [16]: UD tính theo công thức: [16] = [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [17]: UD tính theo công thức [17] = 1%*[14]+2%*[15], nếu [20] >=0 thì hiển thị cột [17], nếu chỉ tiêu [20] <0 thì không hiển thị cột [17], hiển thị cột [21]

- + Chỉ tiêu [18]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [17] theo từng tỉnh, không cho sửa
- + Chỉ tiêu [19]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [18] theo từng tỉnh, không cho sửa
- + Chỉ tiêu [20]: UD tính = [06] – [19], không cho sửa; Đối với CSSX: Nếu [20] dương thì không có giá trị tại cột [21], nếu [20] âm thì tính theo công thức cột [21], không tính theo công thức cột [17]; Đối với VT: Nếu [20] < 0 thì cảnh báo đỏ.
- + Chỉ tiêu [21]: Nếu là dịch vụ viễn thông cước trả sau thì không có chỉ tiêu (21), Nếu là cơ sở sản xuất thì tính theo công thức.
- + Chỉ tiêu [22]: UD tính tổng cộng cột [21] theo từng tỉnh, không cho sửa
- + Chỉ tiêu [23]: UD tính tổng cộng cột [22] theo từng tỉnh, không cho sửa
- + Chỉ tiêu [24]: Đối với CSSX: UD tính [24] = [06] – [23], không cho sửa; Đối với VT: Không hiển thị chỉ tiêu này

3.3.1.1.4 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15

- Cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, quý 1/2022 đến quý 4/2022 và chỉ áp dụng cho ngành nghề “Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường” hoặc “Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí” hoặc “dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính”
- **Các chỉ tiêu NNT nhập:**
 - + (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - + (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
 - + (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Bắt buộc chọn trong danh mục (5% hoặc 10%)

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:**
 - + (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: UD tính theo công thức $(5)=(4) \times 80\%$
 - + (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3) \times [(4)-(5)]$

3.3.1.1.5 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với ngành nghề “Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường” hoặc “Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí” hoặc “dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính” có các kỳ tính thuế như sau:
 - + Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024
 - + Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024
- **Các chỉ tiêu NNT nhập:**

- + (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- + (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:**

- + (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- + (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- + (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.1.1.6 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với ngành nghề “Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường” hoặc “Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí” hoặc “dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính” có các kỳ tính thuế như sau:

- + Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026
- + Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026

- **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% (áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế)**

- + Các chỉ tiêu NNT nhập:
 - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: Nhập số >=0
- + Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
 - (4) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính theo công thức (4) = (3) x 8%, cho phép sửa
 - [05] Tổng cộng Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (3)
 - [06] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (4)

- **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

- + Các chỉ tiêu NNT nhập:
 - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- + Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
 - (4) Thuế suất thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
 - (5) Thuế suất thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%

- (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3)\times[(4)-(5)]$

- [07] Tổng cộng Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT

- [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

- Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%

+ [09]: UD tính theo công thức $[09] = [08] - [06]$

3.3.1.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm các phụ lục

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải $\leq$ Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác chưa được kê khai.

Chọn kỳ tính thuế

Tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính:

CQT cấp Cục:

CQT nơi nộp:

☒ Tờ khai tháng ☐ Tờ khai quý

Tháng: Năm:

☐ Tờ khai lần đầu

☒ Tờ khai bổ sung

Ngày lập KHBS:

Danh mục ngành nghề:

☐ Chọn phụ lục kê khai

☐ 01-2/GTGT

☐ 01-3/GTGT

☐ 01-6/GTGT (CSSX)

- Chọn nút “Đồng ý” khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet “Tờ khai điều chỉnh”, các phụ lục đã tích chọn (trong danh sách: 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT...) và “01-KHBS” và “01-1/KHBS”

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

[11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	☐	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		0
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào [23]	0	[24] 0

Tờ khai điều chỉnh PL 43/2022/QH15 01-KHBS 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS.

- Ấn nút “Tổng hợp KHBS”

TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/GTGT
 [02] Mã giao dịch điện tử:
 [03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
 [04] Bổ sung lần thứ: 1
 [05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
 [06] Mã số thuế: 2300746508
 [07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
 [08] Mã số thuế: 6868686868
 A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:
 I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:
 1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1		0
Tổng cộng:		[10] 0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tính nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thuế	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
	Tờ khai điều chỉnh / PL 43/2022/QH15	01-KHBS	Huỳnh	Cơ quan thuế cấp	

F5: Thêm dòng F7: Thêm bảng dữ liệu/ phụ lục F6: Xóa dòng F8: Xóa bảng dữ liệu/ phụ lục

Thêm phụ lục Tổng hợp KHBS Nhập lại Ghi In Xóa Xất xuất Nhập từ XML Đóng

- **A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:**

+ (2) Tên tiểu mục: UD hiển thị tên tiểu mục điều chỉnh được tổng hợp từ chỉ tiêu điều chỉnh trên phụ lục 01-1/KHBS; Nếu phụ lục 01-1/KHBS không có các chỉ tiêu điều chỉnh là chỉ tiêu hạch toán thì cột này không có giá trị.

+ (3) Tăng/ giảm số thuế phải nộp: UD tự động hiển thị = chỉ tiêu [07] Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp trên 01-1/KHBS, không cho sửa

+ [10] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

+ Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm: hiển thị các dữ liệu thay đổi trên PL phân bổ 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VT cước trả sau). PL nào có thay đổi số phải nộp của trụ sở chính trên 01-1/KHBS thì phải tổng hợp lên 01/KHBS:

• Tại PL 01-3/GTGT: UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [18] tại trụ sở chính lên 01/KHBS

• Tại PL 01-6/GTGT (CSSX): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20], [24] tại trụ sở chính lên 01/KHBS

• Tại PL 01-6/GTGT (VT cước trả sau): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20] tại trụ sở chính lên 01/KHBS

+ Số ngày chậm nộp tính đến ngày: UD hiển thị đến ngày lập tờ khai KHBS

- + Số ngày chậm nộp: UD hỗ trợ tính số ngày chậm nộp = ngày lập KHBS – hạn nộp tờ khai, cho phép sửa
- + Số tiền chậm nộp tăng/giảm: UD hỗ trợ tính theo công thức $= 0,03\% \times \text{số tiền chậm nộp} \times \text{số ngày}$
- + [12] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa
- + [13] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa
- **B: Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp:**
 - + Số tiền thu hồi hoàn: NNT nhập dạng số, không âm
 - + Quyết định hoàn thuế: Số...ngày...cơ quan thuế ban hành quyết định...: Số: nhập dạng text, Ngày: nhập dạng dd/mm/yyyy, Cơ quan thuế ban hành quyết định: Cho phép chọn trong danh mục
 - + Lệnh hoàn thuế: Số ... ngày ...
 - + Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: cho phép nhập
 - + Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): NNT nhập dạng số, không âm

3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế GTGT” chọn “Tờ khai thuế giá trị gia tăng (02/GTGT)(TT80/2021)” khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021

- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Quý 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:
 - + Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
 - + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
- Mã hồ sơ khai dự án đầu tư: Chọn trong danh mục các mã dự án đầu tư đã kê khai tại chức năng “Kê khai thông tin DAĐT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT (có tích cột “Chọn” để hiển thị lên tờ khai 02/GTGT)

3.3.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form “Chọn kỳ tính thuế” chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút “Đồng ý”, màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 02/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế)

[01a] Mã hồ sơ khai dự án đầu tư: 123
[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:
Công ty ABC
2300746508

[04] Tên người nộp thuế:
[05] Mã số thuế:
[06] Tên dự án đầu tư:
[10] Tỉnh/thành phố: Hà Nội [09] Quận/huyện: Quận Hai Bà Trưng
[08] Xã/phường:
[07] Địa chỉ thực hiện dự án đầu tư (Số nhà, đường phố):
[11] Văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Số ngày của của
[12] Tên chủ dự án đầu tư:
[13] Mã số thuế:
[14] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[15] Mã số thuế: 686868686
[16] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
1	Thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang	[21]	0
2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao	[21a]	0
3	Kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư		
3.1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ	[22]	0 [23] 0
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[22a]	0 [23a] 0

H | < | > | Tờ khai /

Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhắc từ XML Đóng

- **Thông tin dự án đầu tư:** Hiển thị theo thông tin mã dự án đầu tư đã chọn, không cho sửa
- **Các chỉ tiêu tự nhập trong bảng:**
 - + Các chỉ tiêu [21a], [22], [24], [25], [26], [27] kiểu số, không âm.
 - + Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [23] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ
 - + Chỉ tiêu [22a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [22a] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ
 - + Chỉ tiêu [23a]: Nhập dạng số, kiểm tra [23a] <= [23] và [23a] <= [22]
 - + Chỉ tiêu [28a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [28a] <= [28], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [28b]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra $([28b] < [28] - [28a])$, sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra $[30] < [29]$, nếu chỉ tiêu $[30] = 0$, thì không kiểm tra ràng buộc $[30] \leq [29]$, nếu nhập chỉ tiêu [30] kiểm tra phải ≥ 300 triệu

+ Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra $[31] < [29] - [30]$, nếu chỉ tiêu $[31] = 0$ thì không kiểm tra ràng buộc

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, kiểm tra công thức trong bảng:

+ Chỉ tiêu [21]: tự động chuyển từ chỉ tiêu [32] kỳ trước sang, cho phép sửa, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng và vẫn cho in tờ khai.

+ Chỉ tiêu $[28] = [21] + [21a] + [23] + [25] - [27]$, nếu chỉ tiêu $[28] < 0$ thì cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu $[29] = [28] - [28a] - [28b]$, nếu chỉ tiêu $[29] < 0$ thì cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu $[32] = [29] - [30] - [31]$, nếu chỉ tiêu $[32] < 0$ thì cảnh báo đỏ

3.3.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải $\leq$ Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “01-KHBS” và “01-1/KHBS” như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 02/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế)

[01a] Mã hồ sơ khai dự án đầu tư: 123
[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên dự án đầu tư: 12
[10] Tỉnh/thành phố: Hà Nội [09] Quận/huyện: Quận Hai Bà Trưng
[08] Xã/phường: Phường Lê Đại Hành

[07] Địa chỉ thực hiện dự án đầu tư (Số nhà, đường phố):

[11] Văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Số 12 ngày 12/12/2012 của dd

[12] Tên chủ dự án đầu tư:

[13] Mã số thuế: 2300746508
[14] Đại lý thuế (nếu có): Nhnh
[15] Mã số thuế: 6868686868
[16] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
1	Thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang		[21] 0
2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao		[21a] 0
3	Kể khai thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư		
3.1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ	[22] 0	[23] 0
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[22a] 1.212	[23a] 1.212

Tổng hợp KHBS Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhắc từ XML Đóng

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/GTGT
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
[08] Mã số thuế: 6868686868

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị ho

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1		0
	Tổng cộng:	[10] 0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	

Tờ khai điều chỉnh 01-KHBS 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế GTGT” chọn “Tờ khai GTGT trực tiếp trên GTGT (03/GTGT) (TT80)” khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021
- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Quý 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:
 - + Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
 - + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh “Đồng ý” để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp mẫu 03/GTGT.

3.3.3.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form “Chọn kỳ tính thuế” chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút “Đồng ý”, màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)
(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 123

ngày 01/01/2024

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])	[26]	0
6.1	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động xuất khẩu	[26a]	0
6.2	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động tiêu thụ nội địa	[26b]	0
7	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	[27]	0
7.1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động xuất khẩu ([27a]=[26a] x 0%)	[27a]	0
7.2	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động tiêu thụ nội địa ([27b]=[26b] x 10%)	[27b]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222

Chứng chỉ hành nghề số: cccc

Người ký: _____

Ngày ký: 15/08/2024

- Các chỉ tiêu tự nhập:

- + Chỉ tiêu [22], [23], [26a], [26b]: NSD tự nhập, kiểu số âm, dương
- + Chỉ tiêu [24], [25]: NSD tự nhập, kiểu số, không âm

- Các chỉ tiêu tự tính, kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [21]: hỗ trợ lấy giá trị âm từ chỉ tiêu [26] của kỳ trước sang, cho phép sửa, không âm, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng: “Chỉ tiêu [21] khác với chỉ tiêu [26] kỳ trước chuyển sang”. Không kê khai chỉ tiêu [21] đối với tờ khai tháng 1, quý 1

+ Chỉ tiêu [26]= [22] - [23] - [21] - [24] + [25]. Kiểm tra [26] phải = [26a] + [26b]

+ Chỉ tiêu [27]= [27a] + [27b]

+ Chỉ tiêu [27a] = [26a] x 0% = 0

+ Chỉ tiêu [27b] = [26b] x 10%, nếu [26b] < 0 thì [27b] = 0

- Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

Chọn kỳ tính thuế

☒ Tờ khai tháng ☐ Tờ khai quý

Tháng Năm

☐ Tờ khai lần đầu ☒ Tờ khai bổ sung

Lần

Ngày lập KHBS

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “KHBS” như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)
(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])	[26]	0
7	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ([27]=[26] x Thuế suất)	[27]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký:

Tờ khai / 01-KHBS / 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế GTGT” chọn “Tờ khai thuế GTGT (04/GTGT) (TT80)” khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

- CQT nộp tờ khai: Cho phép nộp tờ khai vắng lai
- Trong cùng 1 kỳ và 1 CQT nộp tờ khai có thể khai 1 tờ khai 04/GTGT tương ứng với “Khai thuế trực tiếp” theo tháng/quý và nhiều tờ khai 04/GTGT theo từng lần phát sinh, 01 tờ khai 04/GTGT “Khai riêng đối với khoản thu hộ” theo tháng/quý
- Loại kỳ tính thuế:
 - + Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
 - + Tờ khai tháng: hiệu lực từ tháng 01/2022
 - + Tờ khai quý: Quý 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:
 - + + Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
 - + + Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
 - + + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh “Đồng ý” để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp trên doanh thu mẫu 04/GTGT.

3.3.4.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form “Chọn kỳ tính thuế” chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút “Đồng ý”, màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 04/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

☒ Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố: [11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

(Trường hợp người nộp thuế không đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung A. Trường hợp người nộp thuế đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung B)

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế suất 0% và không chịu thuế	Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (trừ thuế suất 0%)	Thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22] x1%)	0	[22]	0
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu ([24]=[24] x1%)		[24]	0

- **Các chỉ tiêu thông tin chung cần nhập:** Cụm chỉ tiêu [09] -> [11]: Cho phép nhập nếu CQT nộp tờ khai khác với tỉnh nơi đóng trụ sở chính

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10]: Phải kê khai là MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra định dạng đúng cấu trúc MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số

+ Chỉ tiêu [11a], [11b], [11c]: Chọn trong danh mục

- **Các chỉ tiêu chi tiết:**

+ Trường hợp 1: Nếu không tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”

• **Chỉ tiêu [21]:** Cho phép nhập số âm, dương

• **Chỉ tiêu [22]:** Cho phép nhập số âm, dương

○ Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%. Cho phép sửa, kiểm tra [22] phải lớn hơn tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%.

○ Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[22] = \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1\% ở cột (4)}$. Cho phép sửa $[22]$ phải $\geq \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1\% ở cột (4)}$

• **Chỉ tiêu [23]:**

- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì $[23] = [22] * 1\%$
- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[23] = [22] * 1\% - \text{tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 1\% ở cột (4)}$
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: $[23] = [22] * 1\% - \text{tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 1\% ở cột 4}$
- Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: $[23] = [22] * 1\% - \text{tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 1\% ở cột 4}$

• **Chỉ tiêu [24]:** Cho phép nhập số âm, dương

- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[24] = \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5\% ở cột (4)}$. Cho phép sửa $[24]$ phải $\geq \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5\% ở cột (4)}$
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu $[24] = \text{tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 5\%}$, cho phép sửa

• **Chỉ tiêu [25]:**

- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì $[25] = [24] * 5\%$
- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[25] = [24] * 5\% - \text{tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 5\% ở cột (4)}$
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: $[25] = [24] * 5\% - \text{tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 5\% ở cột 4}$
- Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: $[25] = [24] * 5\% - \text{tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 5\% ở cột 4}$

• **Chỉ tiêu [26]:** Cho phép nhập số âm, dương

- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[26] = \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3\% ở cột (4)}$. Cho phép sửa $[26]$ phải $\geq \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3\% ở cột (4)}$
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu $[26] = \text{tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3\%}$, cho phép sửa $[26]$ phải $\geq \text{tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3\%}$,

• **Chỉ tiêu [27]:**

- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì $[27] = [26] * 3\%$
- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[27] = [26] * 3\% - \text{tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 3\% ở cột (4)}$
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: $[27] = [26] * 3\% - \text{tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 3\% ở cột 4}$

○ Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: $[27] = [26] \times 3\% - \text{tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ } 3\% \text{ ở cột 4}$

- **Chỉ tiêu [28]:** Cho phép nhập số âm, dương

○ Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[28] = \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ } 2\% \text{ ở cột (4)}$. Cho phép sửa [28] phải $\geq \text{tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ } 2\% \text{ ở cột (4)}$

○ Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 2%, cho phép sửa

- **Chỉ tiêu [29]:**

○ Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì $[29] = [28] \times 2\%$

○ Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: $[29] = [28] \times 2\% - \text{tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ } 2\% \text{ ở cột (4)}$

○ Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: $[29] = [28] \times 2\% - \text{tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ } 2\% \text{ ở cột 4}$

○ Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: $[29] = [28] \times 2\% - \text{tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ } 2\% \text{ ở cột 4}$

- **Chỉ tiêu [30]:** $[30] = [22] + [24] + [26] + [28]$

- **Chỉ tiêu [31]:** $[31] = [23] + [25] + [27] + [29]$

- **Chỉ tiêu [32]:** $[32] = [21] + [30]$

+ Trường hợp 2: Nếu có tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao” thì:

- **(2) Khoản thu hộ:** Chọn trong danh mục bao gồm:

- Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5%

- Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10%

- **Chỉ tiêu [33]:** Nhập dạng số, có thể âm

- **Chỉ tiêu [34]:**

- Nếu chọn “Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5% thì $[34] = 5\%$

- Nếu chọn “Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì $[34] = 10\%$

- Nếu chọn “Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và đính kèm PL PL_GiamThue_GTGT_23_24 hoặc PL 142/2/204/QH15 thì $[34] = 8\%$

- **Chỉ tiêu [35]:** $[35] = [33] \times [34]$, có thể âm

- **Chỉ tiêu [36]:** $[36] = \text{Tổng chỉ tiêu [33]}$

- **Chỉ tiêu [37]:** $[37] = \text{Tổng chỉ tiêu [35]}$

3.3.4.1.1 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

- Trường hợp 1: Không tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”

- + Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:
 - Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
 - Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022
 - Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022
- + Các chỉ tiêu trên phụ lục:
 - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
 - (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
 - (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: $(5)=(4) \times 80\%$
 - (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3) \times [(4)-(5)]$
- **Trường hợp 2: Tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”**

- + Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:
 - Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
 - Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022
 - Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022
- + Các chỉ tiêu trên phụ lục:
 - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
 - (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
 - (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
 - (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3) \times [(4)-(5)]$

3.3.4.1.2 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- **Trường hợp 1: Không tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”**
- + Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:
 - Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024
 - Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024
 - Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024
- + Các chỉ tiêu trên phụ lục:
 - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
 - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%

- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: $(5)=(4) \times 80\%$

- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3) \times [(4)-(5)]$

- **Trường hợp 2: Tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”**

+ Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024

- Kỳ quý: Từ quý 3/2023 đến quý 2/2024

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text

- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%

- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%

- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3) \times [(4)-(5)]$

3.3.4.1.3 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- **Trường hợp 1: Không tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”**

+ Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026

- Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026

- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2026

+ **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% (áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế): Không nhập mục này**

+ **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

- Các chỉ tiêu NNT nhập:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

- (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1, 2, 3, 5 (%)

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

- (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: $(5)=(4) \times 80\%$

○ (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3)\times[(4)-(5)]$

○ [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT

○ [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ **Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%**

• [09]: UD tính theo công thức $[09] = [08] - [06]$

- **Trường hợp 2: Tích chọn “Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao”**

+ Cho phép đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

• Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025

• Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 2/2025

+ **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% (áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế): Không nhập mục này**

+ **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

• Các chỉ tiêu NNT nhập:

○ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

○ (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

○ (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: = 10%

• Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

○ (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: $(5)=(4)\times 80\% = 8\%$

○ (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức $(6)=(3)\times[(4)-(5)]$

○ [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT

○ [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ **Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%**

• [09]: UD tính theo công thức $[09] = [08] - [06]$

3.3.4.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải $\leq$ Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “01-KHBS” và “01-1/KHBS”.

TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 04/GTGT
 [02] Mã giao dịch điện tử:
 [03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
 [04] Bổ sung lần thứ: 1
 [05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
 [06] Mã số thuế: 2300746508
 [07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
 [08] Mã số thuế: 6868686868

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:
 I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:
 1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1		0
Tổng cộng:		[10] 0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	

F5: Thêm dòng F7: Thêm bảng dữ liệu/ phụ lục F6: Xóa dòng F8: Xóa bảng dữ liệu/ phụ lục

Thêm phụ lục Tổng hợp KHBS Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhúng từ XML Đóng

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế GTGT” chọn “Tờ khai thuế GTGT KD ngoại tỉnh (05/GTGT) (TT80)” để hiển thị ra tờ khai GTGT mẫu 05/GTGT.

Chọn kỳ tính thuế

Tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính:

CQT cấp Cục:

CQT nơi nộp:

☒ Tờ khai tháng ☐ Tờ khai lần phát sinh

Tháng: Năm:

☒ Tờ khai lần đầu
☐ Tờ khai bổ sung

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:
 - + Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.3.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form “Chọn kỳ tính thuế” chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút “Đồng ý”, màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đăng trú sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009
[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: [09b] Quận/Huyện:
[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

⏪ ⏩ ⏴ ⏵ Tờ khai

- Các chỉ tiêu tự nhập:

- + Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: chọn trong danh mục
- + Chỉ tiêu [21]: tự nhập, dạng số, không âm
- + Chỉ tiêu [22]: Mặc định là 1%, không cho sửa

- Các chỉ tiêu tự tính:

- + Chỉ tiêu [23] = [21]x[22]
- + Chỉ tiêu [24] = tổng [21]
- + Chỉ tiêu [25] = tổng [23]

3.3.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải ≤ Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

Chọn kỳ tính thuế

Tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính:

CQT cấp Cục:

CQT nơi nộp:

☒ Tờ khai tháng ☐ Tờ khai lần phát sinh

Tháng: Năm:

☐ Tờ khai lần đầu

☒ Tờ khai bổ sung

Ngày lập KHBS:

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “01-KHBS” và “01-1/KHBS”.

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: [09b] Quận/Huyện:

[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

◀ ▶ 🔍 Tờ khai 01-KHBS 01-1/KHBS

TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 05/GTGT
 [02] Mã giao dịch điện tử:
 [03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
 [04] Bổ sung lần thứ: 1
 [05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
 [06] Mã số thuế: 2300746508
 [07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhnh
 [08] Mã số thuế: 6868686868

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1		0
Tổng cộng:		[10] 0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tính nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp	Cơ quan thuế cấp	
	Tờ khai / 01-KHBS / 01-1/KHBS						

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.6 Kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế Giá trị gia tăng” chọn “Kê khai thông tin DADT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT” khi đó màn hình nhập sẽ hiển thị như sau:

CQT cấp Cục CQT cấp chi Cục Mã DADT Tìm kiếm

DANH SÁCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên người nộp thuế: Dữ liệu Demo
 Mã số thuế: 222222222

STT	Chọn	Mã hồ sơ khai DADT	Dự án cùng tỉnh	Thông tin dự án đầu tư						Cơ quan	
				Tên dự án đầu tư	Địa chỉ thực hiện dự án	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Xã/phường	Tên chủ dự án đầu tư		HST chủ dự án đầu tư
1	☐		☐								

- Nhập thông tin dự án đầu tư:

+ Mã hồ sơ khai DADT:

• Bắt buộc nhập kiểu số tự nhiên, tối đa 12 chữ số (không cho phép nhập mã DADT = “0”)

• Không cho phép trùng Mã hồ sơ khai DADT

+ Dự án cùng tỉnh: Cho phép tích chọn

+ Thông tin dự án đầu tư

• Tên dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

• Địa chỉ thực hiện dự án: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

• Tỉnh/Thành phố:

○ Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh của Việt Nam.

○ Nếu tích chọn <Dự án cùng tỉnh> thì kiểm tra địa chỉ Tỉnh của DADT với cùng tỉnh với địa chỉ của chủ DADT

- Quận/Huyện: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh đã chọn
- Phường/Xã: Bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc Quận/Huyện đã chọn
- Tên chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- MST chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập
- Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở: Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở
- + Cơ quan thuế quản lý nơi có DADT:
 - Nếu có tích <Dự án cùng tỉnh thì>: kiểm tra CQT quản lý DADT = CQT quản lý MST kê khai tờ khai
 - Nếu không tích chọn "Dự án cùng tỉnh": Kiểm tra CQT QL DADT là Cục Thuế nơi tỉnh có dự án
- + **Văn bản phê duyệt DADT:**
 - Số: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
 - Ngày: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy, không được lớn hơn ngày hiện tại
 - Cơ quan ban hành: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- Sau khi nhập xong thông tin dự án đầu tư, NNT tích các mã dự án đầu tư để đưa lên tờ khai 02/GTGT (TT80) và 01/HT bằng cách check vào cột “Chọn” tương ứng với thông tin DADT

3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN

3.4.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 02/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng “Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp” chọn “TK TNDN cho chuyển nhượng BĐS (02/TNDN) (TT80)” khi đó màn hình “Chọn kỳ tính thuế” sẽ hiển thị như sau:

Chọn kỳ tính thuế

CQT cấp Cục: HAN - Cục Thuế Thành phố Hà Nội

CQT nơi nộp: Chi cục Thuế Quận Hai Bà Trưng

Ngày: 18 Tháng: 08 Năm: 2022

☒ Tờ khai lần đầu
☐ Tờ khai bổ sung

Đồng ý Đóng